THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/2016/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2016, thay thế Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I. Các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia								
01	Tổng điều tra dân số và nhà ở	Thu thập số liệu về dân số, lao động xã hội và nhà ở phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích quy mô, cơ cấu phân bố và tỷ lệ tăng dân số, nguồn lao động và nhà ở của dân cư.	1. Tất cả công dân Việt Nam cư trú thường xuyên trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam hoặc đang tạm trú ở nước ngoài. 2. Hộ dân cư	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Điều tra toàn bộ: - Dân số chia theo giới tính, tuổi, dân tộc, tôn giáo, tình trạng đi học, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0102, 0107. - Số lượng và chất lượng nhà ở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0406, 0407. 2. Điều tra chọn mẫu: - Ngoài các chỉ tiêu điều tra toàn bộ, tiến hành điều tra các nhóm chỉ tiêu sau: - Dân số chia theo ngành nghề đào tạo, di cư, tình trạng khuyết tật, tình trạng hôn nhân, lao động và việc làm;	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					- Số giờ làm việc bình quân 1 lao động trong tuần; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0108, 0111, 0201, 0202, 0203, 0204. - Tình hình sinh chết của dân số, tình trạng sử dụng và các điều kiện sinh hoạt của hộ có nhà ở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0103, 0104, 0105, 0106, 0109, 0112, 1602. - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1603. - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1604.			
02	Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp	Thu thập thông tin cơ bản về nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp diêm nghiệp và thủy sản phục vụ nghiên cứu đánh giá quy mô và cơ	Các hộ ở nông thôn; đơn vị tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở thành thị;	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	Tùy thuộc vào kế hoạch chương trình, các chỉ tiêu trong điều tra có thể thay đổi, bổ sung nhưng tập trung vào các nhóm sau: - Thực trạng nền sản xuất	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 5).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Mặt trận Tổ

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		cấu lao động nông thôn, nông nghiệp; quy mô đất đai, điều kiện sản xuất nông nghiệp; thay đổi kết cấu hạ tầng nông thôn; tình hình thực hiện một số nội dung của các chương trình, mục tiêu quốc gia trong nông thôn, nông nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp, thủy sản và nông thôn; lập dàn mẫu cho các cuộc điều tra chọn mẫu; so sánh quốc tế.	trang trại; UBND xã.		nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: số lượng đơn vị sản xuất; số lao động và cơ cấu lao động; quy mô sản xuất; năng lực sản xuất; tình hình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; tiếp cận thông tin của các đơn vị sản xuất; tác động của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tới môi trường; phát triển kinh tế trang trại; vai trò của phụ nữ;… trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; - Thực trạng nông thôn: thực trạng và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; thực trạng và những chuyển biến về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn;			quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					- Thông tin về cư dân nông thôn: điều kiện sống của cư dân nông thôn; khả năng huy động vốn, tình hình vay vốn, khả năng tiếp cận tín dụng của cư dân nông thôn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0303.			
03	Tổng điều tra kinh tế	Thu thập thông tin cơ bản về số cơ sở kinh tế, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở kinh tế; kết quả hoạt động làm cơ sở để rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp dàn mẫu	Các đơn vị sản xuất, kinh doanh, hoạt động sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, hiệp hội; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp/tổ chức phi chính phủ nước ngoài; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, thủy sản; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; - Nhóm thông tin về lao động, thu nhập của người lao động; - Nhóm thông tin về kết quả, chi phí sản xuất kinh doanh; - Nhóm thông tin về ứng dụng công nghệ thông tin; - Nhóm thông tin theo chuyên đề cần đánh giá, tùy thuộc yêu cầu thực tế; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0301.	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 3 và 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		tổng thể phục vụ các cuộc điều tra chọn mẫu của ngành Thống kê và các ngành khác.						
II. Các cuộc điều tra thống kê								
01: Điều tra về đất đai, dân số, lao động, việc làm								
04	Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Đánh giá chính xác thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp; Làm cơ sở để đánh giá tình hình quản lý đất đai trong 5 năm qua và làm căn cứ đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai và nâng cao hiệu quả sử dụng đất; Làm căn cứ cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Cung cấp thông tin phục vụ	1. Người sử dụng đất, người quản lý đất. 2. Xã, phường, thị trấn	Điều tra toàn bộ	- Thu thập số liệu về diện tích đất đai theo mục đích và đối tượng sử dụng; - Số liệu về đối tượng sử dụng đất trên địa bàn đơn vị hành chính; - Thu thập thông tin về tình hình hiện trạng sử dụng đất, nguyên nhân biến động đất đai giữa các kỳ kiểm kê đất đai; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0101.	Chu kỳ 5 năm, ngày 31 tháng 12 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9).	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		cho việc theo dõi, giám sát, đánh giá việc quản lý, sử dụng đất của từng địa phương theo quy định của Luật Đất đai.						
05	Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ	Thu thập thông tin về dân số và nhà ở làm cơ sở để lập kế hoạch và xây dựng chính sách dân số và nhà ở, đánh giá các chương trình dân số và nhà ở quốc gia.	1. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ. 2. Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu	- Thu thập thông tin về quy mô, cơ cấu, phân bố và tỷ lệ tăng dân số; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0102, 0107, 0108, 0109, 0111, 0112. - Tình hình sinh chết của dân số; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0103, 0104, 0105, 0106. - Thu thập thông tin về nhà ở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0406, 0407.	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Tư pháp.
06	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình	Thu thập các thông tin cơ bản về dân số và kế hoạch hóa gia đình làm cơ sở hoạch định chính sách, nghiên	1. Đối tượng điều tra là các hộ dân cư và nhân khẩu thực tế thường trú trên các địa bàn	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về dân số: họ tên nhân khẩu thực tế thường trú, giới tính, tình hình di cư, tình hình đi học, tình trạng hôn nhân…;	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 4 (trừ năm tiến hành Tổng điều tra	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Y tế, Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		cứu biến động dân số và tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân số và kế hoạch hóa gia đình.	điều tra không bao gồm những người sống trong khu vực quản lý riêng của quân đội và công an nhưng điều tra cả các hộ quân đội và công an đang sống trong khu vực của dân cư của xã/phường/ thị trấn. 2. Hộ dân cư		Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0102, 0103, 0104, 0105, 0107, 0108, 0111, 0112. - Thông tin về người chết của hộ: thông tin về số người chết, các nguyên nhân chết, tình hình tử vong mẹ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0106, 0109, 1603, 1604. - Thông tin liên quan đến sinh đẻ, kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản của phụ nữ 15 - 49 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1602.	dân số và nhà ở và Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ).		
07	Điều tra lao động và việc làm	Thu thập thông tin phản ánh thực trạng nguồn lao động và việc làm nhằm phục vụ yêu cầu quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả và phát triển hợp lý nguồn lực thị trường lao động;	1. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ. 2. Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu	- Đối với thành viên hộ: họ tên, mối quan hệ với chủ hộ, giới tính, tuổi, dân tộc; - Thông tin của những người từ 15 tuổi trở lên; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0201, 0202, 0203, 0204.	Chu kỳ hàng tháng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		phục vụ tính toán các chỉ tiêu thống kê lao động, việc làm được quy định trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.			- Tình trạng di cư, trình độ chuyên môn kỹ thuật; - Hoạt động kinh tế trong 7 ngày qua; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0205, 0206, 0207 và các chỉ tiêu lao động liên quan.			
02: Điều tra về tài khoản quốc gia, tài chính tiền tệ								
08	Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian	Lập bảng cân đối liên ngành (I/O) làm cơ sở đánh giá kết quả sản xuất chi tiết theo ngành sản phẩm và đánh giá sự thay đổi cơ cấu chi phí sản xuất, tích lũy, tiêu dùng, xuất nhập khẩu và các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp khác; làm cơ sở tính toán các hệ số cơ bản phục vụ biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia.	1. Các cơ sở kinh tế; các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp; các hộ dân cư. 2. Bộ/ngành; doanh nghiệp; hợp tác xã; cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp; hiệp hội; tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng;… cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; hộ sản xuất nông,	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Đối với bộ, ngành: Thông tin về thu chi ngân sách, thuế sản xuất, trợ cấp sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hóa dịch vụ; - Đối với tổng công ty 90, 91: Thông tin về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, kết quả sản xuất kinh doanh, định mức kỹ thuật của sản phẩm đặc thù; - Đối với các đơn vị điều tra mẫu: Thông tin về nhận dạng đơn vị điều tra: tên đơn vị, địa chỉ, loại hình, ngành nghề hoạt động…; Thông tin về sản xuất kinh doanh:	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 3 và 8).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			lâm nghiệp và thủy sản; hộ tiêu dùng sản phẩm vật chất và dịch vụ.		lao động, doanh thu, chi phí sản xuất, thu nhập, thuế, thành phẩm tồn kho và sản phẩm dở dang; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502, 0503, 0506. - Đối với hộ dân cư: Thông tin về chi tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0507.			
09	Điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi	Thu thập thông tin tính giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi.	Các đơn vị sự nghiệp (hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; giáo dục và đào tạo; nghệ thuật vui chơi và giải trí) và tổ chức vô vị lợi.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin về nhận dạng đơn vị điều tra; - Thông tin về thu nhập của đơn vị; - Thông tin về chi phí của đơn vị; - Thông tin về TSCĐ của đơn vị; Thu thập thông tin phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502.	Chu kỳ 2 năm, (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
03: Điều tra về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản								
10	Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ	Thu thập thông tin cơ bản về nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phục vụ nghiên cứu đánh giá quy mô và cơ cấu lao động nông thôn, nông nghiệp; quy mô đất đai, điều kiện sản xuất nông nghiệp; thay đổi kết cấu hạ tầng nông thôn; tình hình thực hiện một số nội dung của các chương trình, mục tiêu quốc gia trong nông thôn, nông nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp, thủy sản và nông thôn; lập dàn mẫu cho các cuộc điều tra chọn mẫu; so sánh quốc tế.	Các hộ ở nông thôn; các đơn vị tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở thành thị; trang trại; các UBND xã.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	Tùy thuộc vào kế hoạch chương trình, các chỉ tiêu trong điều tra có thể thay đổi, bổ sung nhưng tập trung vào các nhóm sau: - Thực trạng nền sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: số lượng đơn vị sản xuất; số lao động và cơ cấu lao động; quy mô sản xuất; năng lực sản xuất; tình hình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; tiếp cận thông tin của các đơn vị sản xuất; tác động của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tới môi trường; phát triển kinh tế trang trại; vai trò của phụ nữ;…trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					- Thực trạng nông thôn: thực trạng và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; thực trạng và những chuyển biến về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; - Thông tin về cư dân nông thôn: điều kiện sống của cư dân nông thôn; tích lũy và khả năng huy động vốn, tình hình vay vốn, khả năng tiếp cận tín dụng của cư dân nông thôn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0303.			
11	Điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp	Thu thập thông tin về diện tích gieo trồng cây nông nghiệp làm cơ sở để đánh giá kết quả của hoạt động trồng trọt theo từng vụ và cả năm.	1. Diện tích gieo trồng thực tế các loại cây nông nghiệp hàng năm và cây lâu năm. 2. Thôn (ấp, bản), khu phố, tiểu khu (có tổng diện tích gieo trồng cây hàng	Điều tra toàn bộ	- Diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp hàng năm hiện có đến thời điểm điều tra; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0801. - Diện tích có cây trồng tại thời điểm điều tra (hiện có), diện tích cho sản phẩm các	Chu kỳ hàng năm. Sau khi kết thúc gieo trồng mỗi vụ sản xuất.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			năm từ 30 ha trên một vụ hoặc cây lâu năm từ 30 ha trở lên), xã (phường, thị trấn) có trồng cây vụ đông, (HTX, hộ/trang trại, các tổ chức khác) có trồng cây nông nghiệp trong kỳ.		loại cây lâu năm hiện có đến thời điểm điều tra; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0802.			
12	Điều tra năng suất sản lượng cây hàng năm	Thu thập thông tin tình hình trồng cây hàng năm làm cơ sở đánh giá kết quả hoạt động trồng trọt theo từng vụ và cả năm.	1. Các loại cây hàng năm. 2. Hộ, trang trại, doanh nghiệp, HTX có gieo trồng và thu hoạch cây trồng cây hàng năm của các vụ sản xuất trong vụ điều tra.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch trong từng vụ sản xuất; - Sản lượng thu hoạch; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0804. - Năng suất thu hoạch; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0803.	Chu kỳ hàng năm. Sau khi kết thúc thu hoạch theo từng vụ sản xuất trong năm.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	Điều tra năng suất sản lượng cây lâu năm	Thu thập thông tin tình hình trồng cây lâu năm làm cơ sở đánh giá kết quả hoạt động trồng trọt theo từng vụ và cả năm.	1. Các loại cây lâu năm. 2. Các hộ, trang trại, doanh nghiệp, HTX thực tế trồng và thu hoạch sản	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Đối với hộ, trang trại: diện tích hiện có, diện tích cho sản phẩm, năng suất, sản lượng thu hoạch; - Đối với các doanh nghiệp: diện tích hiện có, diện tích	- Chu kỳ hàng năm; - Cây trọng điểm: điều tra sau khi đã cơ bản thu hoạch	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			phẩm cây lâu năm điều tra tại địa bàn trong năm điều tra.		cho sản phẩm, sản lượng cây lâu năm, số cây phân tán cho sản phẩm và sản lượng cây phân tán cho sản phẩm; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0803, 0804.	xong sản phẩm; Cây lâu năm còn lại: điều tra vào ngày 01 tháng 12 năm báo cáo.		
14	Điều tra chăn nuôi	Thu thập thông tin về tình hình chăn nuôi làm cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động chăn nuôi.	1. Các loại gia súc, gia cầm, chăn nuôi khác và các sản phẩm chăn nuôi. 2. Thôn (ấp, bản), doanh nghiệp, HTX, trang trại và hộ thực tế có chăn nuôi gia súc, gia cầm và chăn nuôi khác trong năm điều tra.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Số lượng, sản lượng sản phẩm chăn nuôi trong kỳ điều tra; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0806, 0807.	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 01, ngày 01 tháng 4, ngày 01 tháng 7 và ngày 01 tháng 10.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
15	Điều tra lâm nghiệp	Thu thập thông tin về kết quả sản xuất lâm nghiệp phục vụ tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp.	1. Rừng trồng tập trung (rừng được trồng mới, chăm sóc, bảo vệ); Rừng tự nhiên (rừng khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ); Giống cây lâm	Điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu	- Diện tích rừng: Rừng trồng tập trung (diện tích rừng được trồng mới, chăm sóc, bảo vệ) phân theo các loại hình rừng; Diện tích rừng tự nhiên (rừng khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ).	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 12.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			nghiệp; Cây lâm nghiệp trồng phân tán; Sản phẩm gỗ khai thác, lâm sản ngoài gỗ và các sản phẩm khai thác, thu nhặt khác từ rừng. 2. UBND xã, phường, thị trấn nơi có rừng; Doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, các tổ chức khác có hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp và các hộ gia đình cá nhân có sản xuất lâm nghiệp.		Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0808. - Giống cây lâm nghiệp; - Cây lâm nghiệp trồng phân tán; - Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0809.			
16	Điều tra kiểm kê rừng	Thu thập thông tin cơ bản về rừng như: Tổng diện tích, trữ lượng, cơ cấu các loại rừng, phục vụ quy hoạch, kế hoạch, quản lý, bảo vệ rừng, trồng và chăm sóc rừng trồng.	1. Các loại rừng. 2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng.	Điều tra toàn bộ	- Tổng diện tích rừng; - Cơ cấu diện tích rừng được phân theo các loại hình rừng và nguồn vốn đầu tư; - Trữ lượng rừng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2001.	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 01 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					- Hiện trạng quản lý sử dụng rừng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2002. - Tỷ lệ che phủ rừng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2003.			
17	Điều tra thủy sản	Thu thập thông tin: tình hình cơ bản về nuôi trồng và khai thác thủy sản; sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác; sản xuất giống thủy sản, dùng cho tính toán các chỉ tiêu thống kê chủ yếu của ngành thủy sản nhằm phục vụ yêu cầu đánh giá kết quả sản xuất hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản; lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định chính sách phát triển sản xuất thủy sản.	1. Các loại sản phẩm thủy sản thu hoạch từ nuôi trồng và khai thác. 2. Xã/phường/thị trấn, thôn (ấp, bản); doanh nghiệp, HTX, trang trại, hộ thực tế có nuôi trồng thủy sản và tàu thuyền khai thác thủy sản biển trong kỳ.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Diện tích nuôi trồng thủy sản chia theo loại mặt nước, loại thủy sản và phương thức nuôi trồng; số lồng, bè nuôi thủy sản; số hộ và thể tích nuôi trồng thủy sản bể, bồn; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0810. - Số lượng và công suất tàu thuyền khai thác thủy sản; - Số ngày hoạt động của tàu thuyền khai thác thủy sản biển; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0812. - Sản lượng thủy sản nuôi trồng, khai thác;	- Thời kỳ tháng, 6 tháng và 12 tháng; - Thời điểm: các ngày trong tháng; ngày 01 tháng 5 và ngày 01 tháng 11 hàng năm.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					- Số lượng con giống và số tiền bán giống thủy sản; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0811.			
04: Điều tra về công nghiệp, vốn đầu tư, xây dựng								
18	Điều tra ngành công nghiệp	Thu thập thông tin cơ bản về tình hình sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp làm cơ sở để tính một số chỉ tiêu công nghiệp hàng tháng phục vụ công tác quản lý của các cơ quan nhà nước các cấp và đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư và các đối tượng dùng tin khác.	Doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, các cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp và các cơ sở công nghiệp cá thể có hoạt động sản xuất công nghiệp và trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp thuộc danh mục điều tra.	Điều tra chọn mẫu	- Sản phẩm công nghiệp chủ yếu sản xuất; Xu hướng kinh doanh; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0901, 0902. - Sản phẩm công nghiệp chủ yếu tiêu thụ; doanh thu tiêu thụ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0906. - Sản phẩm công nghiệp chủ yếu tồn kho; số lao động; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0907.	Chu kỳ hàng tháng, ngày 01 tháng sau tháng báo cáo.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công Thương
19	Điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp	Thu thập chỉ tiêu phản ánh năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của một số sản phẩm công nghiệp.	Doanh nghiệp, cơ sở trong ngành công nghiệp sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ yếu trên toàn quốc.	Điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu	- Thu thập thông tin về năng lực sản xuất của dây chuyền, máy móc, thiết bị để sản xuất một số sản phẩm công nghiệp; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0909.	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 6 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Xây dựng, Sở Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
20	Điều tra vốn đầu tư thực hiện	Thu thập thông tin hàng quý và hàng năm nhằm thu thập thông tin về vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội là căn cứ đánh giá tình hình thực hiện vốn đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, xây dựng kế hoạch huy động vốn và định hướng chính sách đầu tư, đánh giá tác động của vốn đầu tư đến tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của cả nước và tỉnh/thành phố.	1. Điều tra hàng quý: (i) Dự án/công trình của doanh nghiệp đang trong quá trình đầu tư chưa XSKD hoặc đã đi vào hoạt động SXKD có đầu tư trong kỳ điều tra; Dự án/công trình của các đơn vị sự nghiệp hoặc thuộc các tổ chức tư nhân đang trong quá trình đầu tư chưa SXKD hoặc đã đi vào hoạt động SXKD có đầu tư trong kỳ điều tra; Trang trại thực hiện đầu tư trong kỳ điều tra; Hộ dân cư có đầu tư SXKD và xây dựng nhà ở trong kỳ điều tra.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Điều tra hàng quý: - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng chủ đầu tư; - Nhóm chỉ tiêu kết quả thực hiện vốn đầu tư chia theo nguồn vốn đầu tư, khoản mục đầu tư, mục đích đầu tư, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401, 0402. 2. Điều tra hàng năm: - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng về chủ đầu tư, ban quản lý dự án; - Nhóm chỉ tiêu kết quả vốn đầu tư thực hiện chia theo nguồn vốn đầu tư, khoản mục đầu tư, mục đích đầu tư, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401, 0402, 0403. - Nhóm chỉ tiêu về công trình hoàn thành và năng lực mới tăng;	1. Chu kỳ hàng quý (từ ngày 01 đến ngày 12 tháng cuối quý). 2. Chu kỳ hàng năm (từ ngày 01 tháng 02 hàng năm).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Tài chính; Các Bộ, ngành trung ương; Sở tài chính; Các sở, ngành địa phương.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			(ii) Doanh nghiệp; Đơn vị sự nghiệp, tổ chức tư nhân; trang trại; hộ dân cư. 2. Điều tra hàng năm: (i) Dự án/công trình của bộ ngành, của UBND cấp tỉnh, huyện, xã là chủ đầu tư hoặc ủy quyền phân cấp; Dự án/công trình của doanh nghiệp, hợp tác xã đang trong quá trình đầu tư chưa SXKD hoặc đã đi vào hoạt động SXKD có đầu tư trong kỳ điều tra; Dự án/ công trình của		- Nhóm chỉ tiêu về năng lực sản xuất của các loại hình doanh nghiệp; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0404.			

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			các đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng, các tổ chức tư nhân có đầu tư trong kỳ điều tra; Trang trại có thực hiện đầu tư trong kỳ điều tra; Hộ dân cư có đầu tư cho SXKD và xây dựng nhà ở trong kỳ điều tra; Các tổ chức cộng đồng dân cư có đầu tư trên địa bàn xã/phường/thị trấn trong kỳ điều tra; Dự án mua sắm, sửa chữa tài sản từ nguồn kinh phí thường xuyên của các đơn vị sử					

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			dụng ngân sách nhà nước trong kỳ điều tra. (ii) Ban quản lý dự án/công trình; chủ đầu tư; doanh nghiệp, hợp tác xã đang trong quá trình đầu tư chưa đi vào SXKD hoặc đã đi vào SXKD; đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng, tổ chức tư nhân; trang trại; hộ dân cư; UBND xã/ phường/thị trấn; Sở Tài chính; Đơn vị phụ trách công tác thống kê, tài chính thuộc bộ, ngành.					

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
21	Điều tra hoạt động xây dựng	Thu thập thông tin hàng quý và hàng năm về tình hình hoạt động xây dựng của doanh nghiệp; xã/phường/thị trấn và hộ dân cư để tính một số chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động của ngành xây dựng và tính chỉ tiêu giá trị sản xuất ngành xây dựng.	- Doanh nghiệp có hoạt động xây dựng; - UBND xã/phường/thị trấn có công trình xây dựng tự làm hay thuê cơ sở xây dựng cá thể thi công; các công trình xây dựng thực hiện trên địa bàn xã/phường/thị trấn nhưng không do xã/phường/thị trấn làm chủ đầu tư và tự tổ chức xây dựng mà do dân đóng góp và tự đầu tư xây dựng với mục đích phục vụ cộng đồng; - Hộ dân cư có các công trình xây dựng tự làm hay thuê cơ sở cá thể thi công.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Điều tra hàng quý: - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng đơn vị điều tra; - Nhóm chỉ tiêu về kết quả hoạt động xây dựng; - Giá trị sản xuất xây dựng chia theo loại công trình; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501. 2. Điều tra hàng năm: - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng đơn vị điều tra; - Nhóm chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; - Giá trị sản xuất xây dựng chia theo loại công trình; chia theo địa bàn; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501. - Khối lượng, giá trị công trình xây dựng hoàn thành trong năm; - Diện tích, tổng chi phí xây dựng nhà ở hoàn thành trong năm chia theo loại nhà; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0405.	1. Chu kỳ hàng quý (từ ngày 01 đến ngày 12 tháng cuối quý). 2. Chu kỳ hàng năm (từ ngày 01 tháng 02 hàng năm).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
05: Điều tra về thương mại, du lịch, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin								
22	Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ	Thu thập thông tin về xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ để có số liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ; các chỉ tiêu của Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và lập bảng cán cân thanh toán quốc tế.	- Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu dịch vụ. - Doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu dịch vụ vận tải, bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu và dịch vụ khác.	- Điều tra chọn mẫu với chu kỳ 6 tháng, hàng năm. - Điều tra toàn bộ với chu kỳ 5 năm.	- Các chỉ tiêu chung; - Trị giá xuất khẩu dịch vụ; - Trị giá nhập khẩu dịch vụ; - Nước đối tác; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1008, 1009.	Chu kỳ 6 tháng, từ ngày 01 đến ngày 12 tháng 6. Chu kỳ năm từ ngày 01 đến ngày 31 tháng 3. Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan).
23	Điều tra bán buôn, bán lẻ hàng hóa	Thu thập thông tin về kết quả hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác nhằm biên soạn chỉ tiêu tổng mức bán lẻ hàng hóa hàng tháng, doanh thu bán buôn đáp ứng yêu cầu SNA và của các đối tượng sử dụng thông tin khác.	Doanh nghiệp, HTX và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể có hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa, sửa chữa ô tô xe máy và xe có động cơ khác.	Điều tra chọn mẫu	- Tổng doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; - Doanh thu theo nhóm, ngành hàng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1001.	Chu kỳ hàng tháng, từ ngày 08 đến ngày 12 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
24	Điều tra dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch và dịch vụ khác	Thu thập thông tin về kết quả kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch, dịch vụ hành chính và hỗ trợ, dịch vụ khác nhằm biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia đáp ứng yêu cầu thống kê SNA và các yêu cầu khác của người dùng tin.	Doanh nghiệp, HTX và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch, dịch vụ hành chính và hỗ trợ, kinh doanh bất động sản, viễn thông, lập trình máy vi tính và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, dịch vụ thông tin, dịch vụ khác.	Điều tra chọn mẫu	1. Điều tra hàng tháng: - Tổng doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, dịch vụ hành chính và hỗ trợ, dịch vụ khác; - Một số chỉ tiêu về lượng của các hoạt động dịch vụ thuộc phạm vi điều tra: Số lượt khách, ngày khách của cơ sở lưu trú, lượt khách phục vụ của cơ sở lữ hành, doanh thu thuần hàng chuyển bán; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1002. 2. Điều tra hàng quý: - Tổng doanh thu dịch vụ kinh doanh bất động sản, viễn thông, lập trình máy vi tính và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, dịch vụ thông tin; - Một số chỉ tiêu về lượng của hoạt động kinh doanh bất động sản, viễn thông, lập trình máy vi tính và	Chu kỳ hàng tháng, từ ngày 08 đến ngày 12 hàng tháng. Chu kỳ hàng quý, từ ngày 01 đến ngày 12 tháng cuối của quý lập báo cáo.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, dịch vụ thông tin; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1003.			
25	Điều tra hộ gia đình thu thập thông tin về du lịch	Thu thập thông tin liên quan đến du lịch của người Việt Nam nhằm biên soạn một số chỉ tiêu thống kê quốc gia; yêu cầu quản lý, hoạch định chính sách và đáp ứng nhu cầu của người dùng tin khác.	1. Các thành viên trong hộ gia đình. 2. Hộ gia đình.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về hộ và cá nhân trong hộ gia đình; giáo dục, nghề nghiệp; - Thông tin du lịch nội địa và ra nước ngoài của người Việt Nam; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1008, 1708.	Chu kỳ hàng năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	
26	Điều tra hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông	Kiểm tra tình hình thực hiện, điều chỉnh, hoàn thiện chính sách phát triển thông tin và truyền thông.	1. Dịch vụ thông tin và truyền thông (gồm bưu chính, viễn thông, Internet, phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản, công nghệ thông tin. 2. Doanh nghiệp bưu chính; Doanh nghiệp viễn thông; Doanh nghiệp	Điều tra chọn mẫu	- Cập nhật tình hình năng lực hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông của các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp (gồm doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, các đài phát thanh, truyền hình, các cơ quan báo chí, các nhà xuất bản, các cơ sở in);	Chu kỳ hàng năm	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			công nghệ thông tin; Nhà xuất bản, doanh nghiệp in, doanh nghiệp phát hành; Cơ quan báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình.		Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1301, 1302, 1303, 1304, 1307, 1310.			
27	Điều tra chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam	Thu thập thông tin về chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam làm cơ sở tính mức chi tiêu bình quân chung và cơ cấu chi tiêu của khách, là cơ sở để suy rộng một số chỉ tiêu chủ yếu về du lịch, xuất khẩu dịch vụ du lịch, đáp ứng yêu cầu thống kê SNA và các yêu cầu khác của người dùng tin.	1. Khách quốc tế đang nghỉ tại các cơ sở lưu trú. 2. Các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú.	Điều tra chọn mẫu	- Tổng mức và một số khoản chi tiêu của khách quốc tế như: chi đi lại; chi ăn uống; chi lưu trú; chi tham quan; chi cho các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí; chi cho y tế bảo vệ sức khỏe, chi mua hàng hóa; - Một số nhận xét đánh giá của khách quốc tế đối với cảnh quan thiên nhiên, môi trường, điều kiện vật chất, dịch vụ của các cơ sở lưu trú tại Việt Nam; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1008, 1707.	Chu kỳ 2 năm, theo mùa du lịch (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1, 3, 5, 7, 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
28	Điều tra hoạt động vận tải, kho bãi	Thu thập thông tin tình hình kinh doanh của ngành vận tải nhằm biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, đáp ứng yêu cầu thống kê SNA và các yêu cầu khác của người dùng tin.	Doanh nghiệp, HTX và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp, kho bãi, đại lý và dịch vụ khác hỗ trợ cho vận tải thuộc tất cả các ngành đường.	Điều tra chọn mẫu	- Doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp hàng hóa, kho bãi, đại lý và các dịch vụ khác hỗ trợ vận tải; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1201. - Khối lượng hành khách vận chuyển; - Đơn giá hành khách vận chuyển; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1202. - Khối lượng hàng hóa vận chuyển; - Đơn giá hàng hóa vận chuyển; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1203.	Chu kỳ hàng tháng, từ ngày 08 đến ngày 12 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	
29	Điều tra thống kê thương mại điện tử	Thu thập thông tin mức độ, trình độ và hiệu quả ứng dụng thương mại điện tử của các doanh nghiệp.	Doanh nghiệp trên toàn quốc	Điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu	- Mức độ sẵn sàng ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp; - Trình độ ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp; - Hiệu quả ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1309.	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 6 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Các cục Thống kê, Các Sở Công Thương, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
30	Điều tra hiện trạng phổ cập dịch vụ thông tin và truyền thông	Xác định mức độ sử dụng các dịch vụ thông tin và truyền thông trong các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân góp phần đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chiến lược mục tiêu phát triển của ngành và quốc gia.	1. Dịch vụ thông tin và truyền thông (bưu chính, viễn thông, Internet, phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản,…); Dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ công trực tuyến; 2. Đơn vị điều tra: - Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, huyện, xã; - Các hộ dân cư, thành viên hộ dân cư ở các thôn, tổ dân phố.	Điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu	- Cập nhật hiện trạng phổ cập dịch vụ thông tin và truyền thông (bưu chính, viễn thông, Internet, phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản,…) trong dân cư; cập nhật hiện trạng cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, huyện, xã; Thu thập thông tin thống kê, tính toán chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1304, 1305, 1306, 1307, 1308.	Chu kỳ 5 năm đối với điều tra toàn bộ (tiến hành vào năm có số tận cùng là 0, 5; hàng năm điều tra chọn mẫu.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Văn phòng Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
06: Điều tra về cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp								
31	Điều tra doanh nghiệp	Thu thập thông tin về doanh nghiệp/đơn vị cơ sở để đánh giá thực trạng, năng lực và kết quả SXKD của các doanh nghiệp, phục	Các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp/HTX hạch toán kinh tế độc lập được thành lập, chịu sự điều	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Số lượng doanh nghiệp; số lao động, nguồn vốn, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, vốn đầu tư; tài chính, tín dụng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0304, 0307.	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 3.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công Thương, Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế).

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		vụ cho việc quản lý, hoạch định chính sách, phát triển doanh nghiệp; cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp phục vụ yêu cầu về thống kê doanh nghiệp và các yêu cầu thống kê khác.	tiết bởi Luật Doanh nghiệp, Luật HTX; các đơn vị cơ sở trực thuộc doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.		- Tài sản và các thông tin chuyên ngành kinh tế; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0305, 0306.			
32	Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể	Thu thập thông tin về các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể để đánh giá thực trạng, năng lực và kết quả sản xuất kinh doanh của các cơ sở, phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách; cập nhật cơ sở dữ liệu về cơ sở cá thể, tính toán các chỉ tiêu thống kê quốc gia, đáp ứng yêu cầu thống kê SNA và các yêu cầu khác của người dùng tin.	Các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản).	Điều tra toàn bộ kết hợp chọn mẫu	- Số cơ sở và lao động của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: tài sản, nguồn vốn, doanh thu, nộp ngân sách; - Thông tin chuyên ngành; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0301, 0902, 1001, 1002, 1003, 1201, 1202, 1203, 1703.	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 10.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
33	Điều tra cơ sở hành chính	Thu thập thông tin cơ bản về số cơ sở hành chính, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở hành chính; kết quả thu, chi của cơ sở để rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực.	Cơ sở hành chính	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; - Nhóm thông tin về lao động, thu nhập của người lao động; - Nhóm thông tin về kết quả thu, chi; - Nhóm thông tin về ứng dụng công nghệ thông tin; - Nhóm thông tin theo chuyên đề cần đánh giá, tùy thuộc yêu cầu thực tế; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0302.	Chu kỳ điều tra 5 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6).	Bộ Nội vụ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.
07: Điều tra về giá								
34	Điều tra giá tiêu dùng (CPI)	Thu thập giá bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng để có số liệu phục vụ tính chỉ số giá tiêu dùng hàng tháng, nhằm cung cấp số liệu về tỷ lệ tăng giá cho Chính phủ, các bộ, các ngành sử dụng trong	1. Các mặt hàng và dịch vụ đại diện cho tiêu dùng. 2. Sạp hàng, quầy hàng, điểm bán hàng (chuyên bán lẻ); cơ sở kinh doanh dịch vụ; cơ quan; trường học; cơ sở khám	Điều tra chọn mẫu (Điều tra trực tiếp)	- Điều tra mức giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng; Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1101, 1102, 1103. - Cung cấp, bổ sung thông tin tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.	Chu kỳ hàng tháng, ngày 05, 15, 25 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		công tác điều hành quản lý, nghiên cứu chính sách, quản lý tài chính, tiền tệ. Làm cơ sở tính toán một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	chữa bệnh có địa điểm kinh doanh ổn định, thuộc các thành phần kinh tế.					
35	Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất	Để tính chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất; phục vụ công tác điều hành, quản lý, xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất, kế hoạch nhập khẩu vật tư, nhiên liệu, phát triển công nghiệp phụ trợ, vùng nguyên liệu. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Các mặt hàng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đại diện dùng cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng. 2. Các cửa hàng vật tư nông nghiệp, cửa hàng vật liệu xây dựng, Nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất, các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra trực tiếp, Điều tra gián tiếp)	- Điều tra mức giá của người sản xuất khi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất; (Bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến nhà sản xuất nhưng không bao gồm VAT); Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1104.	Chu kỳ hàng quý (điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 05 hàng tháng).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
36	Điều tra giá sản xuất hàng hóa	Để tính chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và hàng công nghiệp hàng quý nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất đảm bảo cung cầu trên thị trường. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Các mặt hàng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đại diện; Các sản phẩm công nghiệp khai khoáng, công nghiệp chế biến, công nghiệp điện, khí đốt và nước của người sản xuất trực tiếp bán ra thị trường. 2. Cơ sở sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; nông trường, lâm trường; trạm trại; hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; hộ dân cư trực tiếp sản xuất và trực tiếp bán ra các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Nhà máy, xí nghiệp, cơ sở trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra trực tiếp và gián tiếp)	- Điều tra mức giá sản xuất hàng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (không bao gồm VAT); - Điều tra mức giá sản xuất hàng công nghiệp (không bao gồm VAT); Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.	Chu kỳ hàng quý (điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 20 hàng tháng).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Công Thương.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
37	Điều tra giá sản xuất dịch vụ	Để tính chỉ số giá sản xuất dịch vụ nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển ngành sản xuất dịch vụ đảm bảo cung cầu trên thị trường. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Các sản phẩm dịch vụ đại diện. 2. Đơn vị, cơ sở trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm dịch vụ.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra trực tiếp, gián tiếp)	- Điều tra mức giá cước đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không và dịch vụ kho bãi, bốc xếp, bưu chính và chuyển phát (không bao gồm VAT); - Điều tra mức giá dịch thông tin, truyền thông khoa học công nghệ, hành chính; Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.	Điều tra hàng quý, (điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 05 hàng tháng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông.
38	Điều tra giá xây dựng	Thu thập số liệu để tính chỉ số giá xây dựng phục vụ cơ quan quản lý nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách và xây dựng kế hoạch phát triển ngành xây dựng. Dùng để tính	1. Các mặt hàng và dịch vụ đại diện cho công việc xây dựng. 2. Các Tổng công ty xây dựng, công ty xây dựng, các chủ đầu tư và ban quản lý dự án, các công ty tư vấn thực hiện quản lý,	Điều tra chọn mẫu (điều tra trực tiếp, điều tra gián tiếp)	- Điều tra mức giá các vật liệu xây dựng, nhân công, máy móc thiết bị xây dựng và giá dịch vụ xây dựng chuyên dụng; Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1106.	Chu kỳ điều tra hàng tháng, báo cáo hàng quý.	Bộ Xây dựng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Các bộ, ngành có liên quan.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh	tư vấn các công trình xây dựng và các đại lý bán vật liệu xây dựng và cho thuê dịch vụ xây dựng.					
39	Điều tra giá bất động sản	Để tính chỉ số giá bất động sản phục vụ cơ quan quản lý nhà nước trong việc đánh giá, dự báo xu hướng thị trường bất động sản, trên cơ sở đó đề ra các cơ chế, chính sách để xây dựng, phát triển lành mạnh thị trường. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Các loại bất động sản là nhà ở, đất nền, văn phòng cho thuê đại diện trên thị trường; Các loại dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản. 2. Các công ty kinh doanh bất động sản và dịch vụ bất động sản; các sàn giao dịch bất động sản; các cơ quan quản lý, theo dõi giao dịch thị trường bất động sản.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra trực tiếp, điều tra gián tiếp)	- Điều tra mức giá nhà ở, đất nền, văn phòng cho thuê trên thị trường; - Điều tra mức giá dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản; Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1107.	Chu kỳ điều tra hàng tháng, báo cáo hàng quý.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng; Hiệp hội bất động sản; Các bộ, ngành liên quan.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
40	Điều tra giá tiền lương	Để tính chỉ số giá tiền lương giúp các cơ quan chức năng, các cơ sở sản xuất, kinh doanh nghiên cứu và xây dựng chính sách tiền lương phù hợp. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Tiền lương theo ngành nghề, công việc. 2. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra gián tiếp và trực tiếp)	- Điều tra mức tiền lương; Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1108.	Chu kỳ hàng quý	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
41	Điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu	Để tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của cả nước sử dụng để giảm phát các chỉ tiêu trong hệ thống tài khoản quốc gia; phục vụ phân tích vĩ mô, phân tích hiệu quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và các mục đích sử dụng khác. Dùng để tính các chỉ tiêu kinh tế thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu đại diện. 2. Doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra gián tiếp)	- Điều tra mức giá xuất khẩu (giá FOB); - Điều tra mức giá nhập khẩu (giá CIF); Thu thập phục vụ tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1109, 1110.	Chu kỳ hàng quý (điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 30 hàng tháng)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan); Bộ Công Thương (Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại).

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
08: Điều tra về khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường								
42	Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ	Thu thập thông tin về nguồn nhân lực, hạ tầng cơ sở, tài chính, thông tin và các tiềm lực khoa học công nghệ khác phục vụ phân tích thông tin quy hoạch và xây dựng chiến lược, chính sách, phục vụ quản lý điều hành hoạt động khoa học công nghệ.	Các tổ chức khoa học và công nghệ (gồm các tổ chức nghiên cứu và phát triển, cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.	Điều tra toàn bộ	Tiềm lực khoa học và công nghệ bao gồm: - Hạ tầng cơ sở; Thông tin; Vật lực; Tài chính; Tiềm lực khác; Thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1401. - Nhân lực; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1402.	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 9 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9).	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
43	Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Thu thập thông tin về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ đánh giá, xây dựng chính sách chiến lược khoa học và công nghệ.	- Các tổ chức khoa học và công nghệ: Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Cơ sở giáo dục đại học bao gồm (Đại học, trường đại học, học viện, trường cao đẳng); Tổ chức	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin về đơn vị cơ sở; - Nhóm thông tin về nhân lực nghiên cứu và phát triển; Thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1403, 1404. - Nhóm thông tin về chi phí cho nghiên cứu và phát triển;	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			dịch vụ khoa học và công nghệ - Các cơ quan hành chính và quản lý nhà nước về KH&CN, các đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. - Các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam và các Hội nghề nghiệp khác. - Các doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.		Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1407.			

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
44	Điều tra các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật đô thị	Thu thập thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị; phục vụ thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia; phục vụ việc đánh giá hiện trạng và tình hình thực hiện quy hoạch; phục vụ công tác nghiên cứu, xây dựng định hướng, chiến lược, cơ chế, chính sách về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao.	1. Hệ thống cấp nước; thoát nước; thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và khu dân cư nông thôn tập trung; nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; chiếu sáng và giao thông đô thị. 2. Cơ quan quản lý; đơn vị quản lý, vận hành.	Điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu	- Điều tra năng lực phục vụ (quy mô, công suất, phạm vi, chi phí tiêu hao, tỷ lệ phục vụ,...); Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1804.	Chu kỳ 2 năm, (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Xây dựng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
09: Điều tra về y tế, giáo dục, văn hóa, trật tự an toàn xã hội, mức sống dân cư								
45	Điều tra cơ sở và nhân lực y tế ngoài công lập	Thống kê số lượng cơ sở, số giường bệnh, số nhân lực y tế, trang thiết bị máy móc kỹ thuật trong lĩnh vực y tế ngoài công lập.	Cơ sở y tế ngoài công lập, cán bộ làm việc trong các cơ sở y tế ngoài công lập.	Điều tra toàn bộ	- Số lượng cơ sở y tế ngoài công lập; - Loại cơ sở; - Số giường bệnh ngoài công lập;	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					- Nhân lực y tế ngoài công lập; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1601.			
46	Điều tra dinh dưỡng	Cung cấp thông tin phục vụ đánh giá tình hình dinh dưỡng sức khỏe bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi.	1. Trẻ em dưới 5 tuổi; Bà mẹ trong độ tuổi sinh đẻ 15 - 49 tuổi. 2. Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu	- Tình trạng dinh dưỡng; - Phòng chống suy dinh dưỡng của trẻ em; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1606.	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 6.	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
47	Điều tra nhân khẩu học và sức khỏe	- Thu thập các thông tin về nhân khẩu học, kế hoạch hóa gia đình, lịch sử sinh đẻ, sức khỏe của bà mẹ và trẻ em; khả năng tiếp cận dịch vụ y tế; - Kế hoạch hóa gia đình.	Hộ dân cư và cơ sở y tế cộng đồng.	Điều tra chọn mẫu	- Đặc trưng đối tượng điều tra (hộ dân cư, cơ sở y tế); - Lịch sử sinh đẻ; - Hiểu biết và sử dụng các biện pháp tránh thai; - Chăm sóc thai sản, đỡ đẻ và nuôi dưỡng trẻ sơ sinh; - Mức sinh mong muốn và các hành vi kế hoạch hóa gia đình; - Hiểu biết về sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh và AIDS; - Khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và kế hoạch hóa gia đình; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1605.	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 10 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
48	Điều tra người khuyết tật	Thu thập thông tin chi tiết về khuyết tật phục vụ hoạch định chính sách bảo đảm quyền lợi cho người khuyết tật.	1. Người khuyết tật. 2. Hộ dân cư; Các cơ sở nuôi dưỡng người khuyết tật .	Điều tra chọn mẫu	- Tỷ lệ người khuyết tật chia theo loại tật, nguyên nhân khuyết tật; - Xác định nhu cầu về chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng; - Nhu cầu về giáo dục việc làm; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0110.	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 10 (các năm có số tận cùng là 5).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế.
49	Điều tra các cơ sở giáo dục ngoài công lập	Thu thập các chỉ tiêu về số trường, lớp, học sinh, sinh viên, giáo viên và giảng viên.	1. Các cơ sở giáo dục ngoài công lập như nhà trẻ, nhóm trẻ, trường mẫu giáo, mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng; đại học và các Sở Giáo dục và Đào tạo.	Điều tra toàn bộ	- Trường, lớp, học sinh và sinh viên, giáo viên và giảng viên, cơ sở vật chất; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1501, 1502, 1503.	Chu kỳ hàng năm (kết thúc học kỳ I của năm học).	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
50	Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam	Thu thập thông tin làm căn cứ đánh giá mức sống, đánh giá tình trạng nghèo đói và phân hóa giàu nghèo, giám sát và đánh giá một số chương trình mục tiêu quốc gia, cung cấp số liệu để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng và phục vụ tính toán Hệ thống tài khoản quốc gia.	- Hộ dân cư; - Các thành viên trong hộ dân cư; - Các xã có hộ dân cư được khảo sát (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn).	Điều tra chọn mẫu	1. Đối với hộ: - Đặc trưng nhân khẩu học; - Giáo dục, tình trạng sức khỏe và sử dụng các dịch vụ y tế (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn); - Việc làm; - Thu nhập; - Chi tiêu (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn); Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1802, 1803. - Tài sản; nhà ở; đồ dùng, điện, nước, công trình vệ sinh (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn); - Tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo, tình hình tín dụng (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn); Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1805, 1806.	Chu kỳ hàng năm (năm có tận cùng số lẻ điều tra 2 kỳ vào tháng 5, 9; năm có tận cùng số chẵn điều tra 4 kỳ vào tháng 3, 6, 9, 12).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					2. Đối với xã (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn): - Thông tin chung về dân số và dân tộc cư trú trên địa bàn xã điều tra; - Kết cấu hạ tầng: điện, đường, trường, trạm, chợ, nguồn nước; - Tình trạng kinh tế; - Một số thông tin cơ bản về tình hình kinh tế xã hội; Thu thập thông tin: Tỷ lệ nhập học các cấp giáo dục phục vụ tính toán chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1801.			